

# NACERA® Pearl Q<sup>3</sup>

## Phiếu An toàn Hóa chất

tuân thủ đúng theo GHS của Liên hiệp Quốc (Rev. 5, 2013)

Ngày phát hành: 07/08/2017

Ngày sửa đổi: 07/08/2017

Phiên bản: 2.01

### MỤC 1: Định dạng

#### 1.1. Nhận dạng sản phẩm

Tên thương mại : NACERA® Pearl Q<sup>3</sup>

#### 1.2. Ứng dụng thích hợp của chất hay hỗn hợp chất và các ứng dụng không được khuyến cáo

Ứng dụng của chất/hỗn hợp chất : Sản phẩm thuốc

Khuyến cáo sử dụng & hạn chế : Chỉ dành riêng cho chuyên gia

#### 1.3. Thông tin về nhà cung cấp

##### Nhà cung cấp

DOCERAM Medical Ceramics GmbH

Heßlingsweg 65-67

44309 Dortmund - Germany

T +49-231-92 56 68-0 - F +49-231-92 56 68-60

##### Nhà nhập khẩu

Vietnam Dental Five Stars Joint Stock Company

No. 4 Group, 37/6 Ward

Phu Thuong District Tay Ho

690 Hanoi, Vietnam

Phone +84 917676996

Mail fivestardentalvn@gmail.com

##### Email competent person

sds@kft.de

##### Khác

Các thông tin chi tiết có thể tìm thấy ở: Siehe Lieferant/Hersteller

Số điện thoại khẩn cấp:

+84 (0)4 8697 501

(8:00 - 17:00 Thứ hai - Thứ sáu)

#### 1.4. Số khẩn cấp

Hiện chưa có thông tin bổ sung

### MỤC 2: Thành phần/thông tin về thành phần

#### 3.1. Chất

Không áp dụng được

#### 3.2. Hỗn hợp

Nhận xét : Sứ Zirconium oxit trong các đĩa được thiết kế sơ bộ.

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc
zirconium dioxide	(Số CAS) 1314-23-4	>= 90	Không phân loại
yttrium oxide	(Số CAS) 1314-36-9	5 - 10	Eye Irrit. 2B, H320

Nhận xét : Vật phẩm, Bụi bắn có thể xuất hiện (xem chương 8) trong quá trình xử lý cơ học (ví dụ: mài), Các thành phần khác với một giá trị giới hạn nơi làm việc hãy xem mục 8.

Văn bản các câu H: tham khảo mục 16

### MỤC 3: Nhận dạng nguy hiểm

#### 2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

##### Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc

Không phân loại

#### 2.2. Nội dung nhãn

Sản phẩm không nằm trong quy chế dán nhãn của luật quốc gia có liên quan.

#### 2.3. Các mối nguy hiểm khác

Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường : Theo hiểu biết của chúng tôi, sản phẩm trên không gây nguy cơ nào đặc biệt, với điều kiện được sử dụng theo các quy tắc chung về an toàn công nghiệp

### MỤC 4: Sơ cứu

#### 4.1. Biện pháp sơ cứu

Sơ cứu tổng quát : Nếu có nghi ngờ hoặc khi các triệu chứng kéo dài, cần phải thông báo ngay cho bác sĩ.

Sơ cứu trong trường hợp hít phải : Biện pháp chống bụi. Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở.

Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da : Rửa da lại với nhiều nước.

# NACERA® Pearl Q<sup>3</sup>

## Phiếu An toàn Hóa chất

tuân thủ đúng theo GHS của Liên hiệp Quốc (Rev. 5, 2013)

- Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt : Trường hợp tiếp xúc trực tiếp với mắt khó có thể xảy ra. Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ ở mắt. Giữ mắt mở lớn và rửa lại với nhiều nước trong vòng vài phút sau đó gặp ngay bác sĩ.
- Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải : Trường hợp nuốt khó xảy ra. Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

### 4.2. Các triệu chứng và tác dụng chính, cấp tính và trì hoãn

- Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải : Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ ở đường hô hấp.
- Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da : Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ trên da.
- Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt : Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ ở mắt.

### 4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Điều trị triệu chứng.

## MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

### 5.1. Phương tiện cứu hỏa

- Chất chữa cháy thích hợp : Không bắt cháy. Sử dụng phương tiện thích hợp cho việc dập hỏa hoạn gần kề.
- Tác nhân tiêu hủy không tương ứng : Không có.

### 5.2. Nguy hiểm đặc biệt từ chất hay hỗn hợp chất

- Phản ứng : Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường.

### 5.3. Khuyến cáo cho nhân viên cứu hỏa

- Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Thiết bị thở độc lập. Quần áo bảo hộ toàn thân.
- Các thông tin khác : Ngăn không cho nước sử dụng để dập lửa không lan tràn vào hệ thống cống rãnh hoặc nguồn nước. Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.

## MỤC 6: Biện pháp xử lý trong trường hợp đổ tràn

### 6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

- Biện pháp chung : Tránh việc tạo bụi. Không hít bụi.

#### 6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

- Biện pháp cấp cứu : Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ.

#### 6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

- Thiết bị bảo hộ : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

### 6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Tránh việc tích tụ dưới tầng đất cái. Không cho xâm nhập vào cống rãnh và nước sinh hoạt.

### 6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

- Quy trình làm sạch : Thu hồi (bằng cách quét hay xúc bằng xẻng) và cho vào bình chứa thích hợp chờ tiêu hủy.
- Các thông tin khác : Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.

## MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

### 7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

- Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân.
- Biện pháp vệ sinh : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Rửa tay sau mỗi lần thao tác.
- Nguy cơ phụ trong quá trình xử lý : Các thao tác phải được thực hiện bởi nhân viên được đào tạo và được ủy phép. Thu hồi bụi ngay từ điểm phân tán.

### 7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

- Điều kiện lưu trữ : Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Kho trữ tại nơi khô ráo. Bảo vệ chống ánh sáng.
- Hướng dẫn liên quan đến việc lưu trữ chung : Bảo quản tránh xa thức ăn và nước uống, kể cả thực phẩm dành cho động vật.

## MỤC 8: Kiểm soát tính nổ/bảo vệ cá nhân

### 8.1. Thông số kiểm tra

Hiện chưa có thông tin bổ sung

# NACERA® Pearl Q<sup>3</sup>

## Phiếu An toàn Hóa chất

tuân thủ đúng theo GHS của Liên hiệp Quốc (Rev. 5, 2013)

### 8.2. Kiểm tra kỹ thuật theo quy định

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định	: Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Hút gió tại chỗ được khuyến khích nếu khả năng tạo bụi có thể xảy ra.
Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường	: Tránh thải ra môi trường.
Các thông tin khác	: Không hít bụi. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên.

### 8.3. Biện pháp bảo hộ cá nhân, điển hình như các thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE)

Bảo vệ tay	: Trong trường hợp có tiếp xúc lặp lại nhiều lần hoặc kéo dài, sử dụng găng tay. EN 374. Việc lựa chọn găng tay phù hợp là một quyết định không chỉ tùy thuộc vào loại vật liệu mà còn tùy thuộc vào các đặc tính chất lượng khác, là những đặc tính mà trong đó có sự khác nhau giữa các nhà sản xuất. Vui lòng tham khảo các hướng dẫn về tính thấm nước và thời gian thẩm thấu do nhà sản xuất cung cấp. Găng tay phải được thay sau mỗi lần sử dụng hoặc khi phát hiện bất kỳ hư hỏng, thủng dù rất nhỏ
Bảo vệ mắt	: Nếu có phát tán bụi: mắt kính bảo hộ
Bảo vệ da và cơ thể	: Trang bị quần áo bảo hộ thích hợp
Bảo vệ đường hô hấp	: Trong trường hợp thông gió không đủ, mang thiết bị hỗ trợ hô hấp thích hợp. EN 143. EN 149. Trong trường hợp có tạo bụi : Phơi nhiễm không kéo dài, Thiết bị thở có bộ lọc.

### 8.4. Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

## MỤC 9: Tính chất vật lý và hóa học

### 9.1. Thông tin về các tính chất vật lý và hóa học chủ đạo

Trạng thái vật lý	: Rắn
Hình dạng	: Phôi ở trong khuôn đĩa.
Màu	: màu trắng.
Mùi	: Không mùi.
Ngưỡng mùi	: Không áp dụng được
pH	: Không áp dụng được
dung dịch pH	: Không có thông tin
Tỷ lệ bốc hơi tương đối (butyl axetat=1)	: Không có thông tin
Tốc độ bay hơi tương đối (ete=1)	: Không có thông tin
Điểm nóng chảy	: Không có thông tin
Điểm đông đặc	: Không áp dụng được
Điểm sôi	: Không có thông tin
Điểm bùng cháy	: Không áp dụng được
Nhiệt độ tự bốc cháy	: Không mang tính tự bắt cháy
Nhiệt độ phân hủy	: Không có thông tin
Tính bất lửa (rắn, khí)	: Không có thông tin
Áp suất hơi	: Không áp dụng được
Áp suất hơi ở 50 °C	: Không có thông tin
Mật độ hơi nước tương đối ở 20 °C	: Không có thông tin
Mật độ tương đối	: Không có thông tin
Mật độ tương đối bảo hòa hỗn hợp hơi/không khí	: Không có thông tin
Mật độ	: Không có thông tin
Mật độ khí tương đối	: Không có thông tin
Độ hòa tan	: Nước: Không hòa tan
Log Pow	: Không áp dụng được
Log Kow	: Không có thông tin
Độ nhớt, động học	: Không áp dụng được
Độ nhớt, động lực	: Không áp dụng được
Độ nhớt, động học (giá trị được tính) (40 °C)	: Không có thông tin
Đặc tính nổ	: Sản phẩm không gây nổ.
Tính chất gây cháy	: Không oxy hóa.
Giới hạn nổ	: Không áp dụng được
Giới hạn thấp nhất gây nổ (LEL)	: Không có thông tin

# NACERA® Pearl Q<sup>3</sup>

## Phiếu An toàn Hóa chất

tuân thủ đúng theo GHS của Liên hiệp Quốc (Rev. 5, 2013)

Giới hạn cao nhất gây nổ (UEL) : Không có thông tin

### 9.2. Các thông tin khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

## MỤC 10: Tính ổn định và khả năng phản ứng

### 10.1. Phản ứng

Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường.

### 10.2. Tính ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

### 10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.

### 10.4. Điều kiện cần tránh

Hiện chưa có thông tin bổ sung

### 10.5. Chất không tương hợp

Hiện chưa có thông tin bổ sung

### 10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Không bất cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường.

## MỤC 11: Thông tin về độc tính

### 11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Độ độc cấp tính (qua da)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Ăn mòn da/kích ứng da	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng. Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ trên da) pH: Không áp dụng được
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng. Bụi của sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ ở mắt) pH: Không áp dụng được
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc trên da	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Khả năng gây ung thư	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính trên khả năng sinh sản	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Nguy cơ khi hít phải	: Không phân loại (Không liên quan)

## MỤC 12: Thông tin sinh thái học

### 12.1. Độ độc tính

Độ độc thủy sinh cấp tính	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Độ độc thủy sinh kinh niên	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)

### NACERA® Pearl Q<sup>3</sup>

Log Pow | Không áp dụng được

### 12.2. Độ bền và độ phân hủy

### NACERA® Pearl Q<sup>3</sup>

Độ bền và độ phân hủy | Không áp dụng được.

# NACERA® Pearl Q<sup>3</sup>

## Phiếu An toàn Hóa chất

tuân thủ đúng theo GHS của Liên hiệp Quốc (Rev. 5, 2013)

### 12.3. Khả năng tích lũy sinh học

<b>NACERA® Pearl Q<sup>3</sup></b>	
Log Pow	Xem Mục 12 liên quan đến độ độc
Khả năng tích lũy sinh học	Không áp dụng được.

### 12.4. Tính lưu động dưới đất

<b>NACERA® Pearl Q<sup>3</sup></b>	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung

### 12.5. Các tác dụng có hại khác

- Ozon : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
- Các tác dụng có hại khác : Hiện chưa có thông tin bổ sung

## MỤC 13: Được xem như dành cho xử lý phân hủy

### 13.1. Phương pháp tiêu hủy

- Phương pháp xử lý chất thải : Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp. Catalogue xử lý chất thải Châu Âu. Không tiêu hủy chung với các chất thải sinh hoạt. Không vứt vào cống rãnh hay vào môi trường.

## MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Tuân thủ theo IMDG / IATA / UN RTDG

UN RTDG	IMDG	IATA
<b>14.1. Số UN</b>		
Sản phẩm không gây nguy hiểm trong việc vận chuyển theo quy định hiện hành.		
<b>14.2. Công ty vận chuyển</b>		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
<b>14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển</b>		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
<b>14.4. Phân nhóm đóng gói</b>		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
<b>14.5. Nguy cơ môi trường</b>		
Nguy hiểm cho môi trường : Không	Nguy hiểm cho môi trường : Không Ô nhiễm biển : Không	Nguy hiểm cho môi trường : Không
Không có thông tin bổ sung		

### 14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

- UN RTDG  
Không có thông tin
- IMDG  
Không có thông tin
- IATA  
Không có thông tin

### 14.7. Vận chuyển hàng rời theo phụ lục II MARPOL 73/78 và bộ luật IBC

Không áp dụng được

## MỤC 15: Thông tin hợp pháp

### 15.1. Quy chế quốc gia về sức khỏe, an toàn và môi trường dành riêng cho sản phẩm

Hiện chưa có thông tin bổ sung

## MỤC 16: Các thông tin khác

- Ngày phát hành : 07/08/2017
- Ngày sửa đổi : 07/08/2017
- Dấu hiệu thay đổi:  
Phiên bản/s 1.00 - 2.00 không sẵn có bằng ngôn ngữ này.

# NACERA® Pearl Q<sup>3</sup>

## Phiếu An toàn Hóa chất

tuân thủ đúng theo GHS của Liên hiệp Quốc (Rev. 5, 2013)

Nguồn dữ liệu	: ECHA (Cơ quan Hóa chất Châu Âu). Các nhà sản xuất.
Phân ban thực hiện phiếu kỹ thuật:	: KFT Chemieservice GmbH Im Leuschnerpark, 3 D-64347 Griesheim Postfach 1451 D-64345 Griesheim Germany  Tel.: +49 6155 8981 400 Fax: +49 6155 8981 500
Liên hệ	: Dr. Johann Klassen
Tên viết tắt và rút ngắn	: ADN - Hiệp định Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển. ADR - Hiệp định Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ. ATE - Đánh giá độc tính cao. BCF - Chỉ số nồng độ sinh học. CLP - Quy định liên quan đến việc phân loại, dán nhãn và bao bì, quy định (EC) n° 1272/2008. DMEL - Liều dẫn xuất có tác dụng tối thiểu. DNEL - Liều dẫn xuất không có tác dụng. DPD - Quy định 1999/45/EC về chế phẩm nguy hiểm. DSD - Quy định 67/548/EEC về chất nguy hiểm. EC50 - Nồng độ trung bình gây ảnh hưởng. IARC - Cơ quan Quốc tế Nghiên cứu về Ung thư. IATA - Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế. IMDG - Hàng hóa Nguy hiểm Đường biển Quốc tế. LC50 - Nồng độ gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (nồng độ trung bình gây chết người). LD50 - Liều trung bình gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (liều trung bình gây chết người). LOAEL - Liều tối thiểu gây hại được ghi nhận. NOAEC - Nồng độ không gây hại được ghi nhận. NOAEL - Liều không gây hại được ghi nhận. NOEC - Nồng độ không gây tác dụng được ghi nhận. OECD - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế. PBT - Kéo dài, tích tụ sinh học và gây độc. PNEC - Nồng độ Dự báo không gây hại. REACH - Việc đăng ký, đánh giá, cấp phép và các hạn chế của các chất hóa học, Quy định (EC) REACH No 1907/2006. RID - Quy định Quốc tế về việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt. SDS - Phiếu An toàn Hóa chất. STP - Trạm xử lý nước thải. TLM - Dung sai giới hạn trung bình. vPvB - Kéo dài và tích lũy sinh học rất nhiều.

Bản đầy đủ của các câu H:

H320	Gây kích ứng lên mắt.
------	-----------------------

KFT SDS UN 00

*Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kỳ đảm bảo nào cho bất kỳ đặc tính nào của sản phẩm.*